



สถาบันเอเชียศึกษา
จุฬาลงกรณ์มหาวิทยาลัย
VIỆN NGHIÊN CỨU CHÂU Á,
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CHULALONGKON



สำนักงานกองทุนสนับสนุนการวิจัย (สกว.)
QUỸ KHUYẾN KHÍCH
NGHIÊN CỨU THÁI LAN
ÁN LOÁT VÀ PHÁT HÀNH



สถาบันเอเชียตะวันออกเฉียงใต้ศึกษา
ศูนย์วิจัยสังคมศาสตร์และ
มนุษยศาสตร์แห่งเวียดนาม
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á,
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ
HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC
GIA VIỆT NAM

พจนานุกรม ไทย-เวียดนาม TỪ ĐIỂN THÁI LAN-VIỆT

เหงียน จี ธง (ธง เหวียน)
NGUYỄN CHÍ THÔNG

กรุงเทพฯ พ.ศ. ๒๕๔๔
BÀNGCỐC NĂM 2001

คำนำ

พจนานุกรมไทย-เวียดนาม ฉบับนี้ สำเร็จลงได้ด้วยความร่วมมือจากหลายฝ่าย เบื้องแรกเป็นความร่วมมือกันระหว่าง Institute for Southeast Asian Studies แห่งนครฮานอย กับสถาบันเอเชียศึกษา จุฬาลงกรณ์มหาวิทยาลัย ผู้อำนวยการของสถาบันทั้งสอง ในขณะนั้นคือ ศาสตราจารย์ ดร. ฝั่ม ดึก เยือง (Pham Duc Duong) และศาสตราจารย์ ดร. เขียน ฮีระวิทย์ เห็นว่าพจนานุกรมไทย-เวียดนามที่คณะนักวิจัยเวียดนามได้จัดทำขึ้นไว้นานแล้วนั้น น่าจะได้ปรับปรุงแก้ไขให้สมบูรณ์ยิ่งขึ้น โดยได้มอบหมายให้นายเหงียน จี ธง หรือ ธง เหวียน (Nguyen Chi Thong) นักวิจัยชาวเวียดนาม รับผิดชอบที่ปรับปรุงแก้ไขดังกล่าว เพื่อการนั้นจำเป็นที่นายเหงียน จี ธง มาประจำอยู่ในประเทศไทยเพื่อสะดวกในการทำงาน ในครั้งนี้ ดร. ชิงชัย หาญเจนลักษณ์ ผู้อำนวยการของ International Development Research Centre (IDRC) ณ สิงคโปร์ได้ให้ความสนับสนุนทางการเงิน ความสนับสนุนดังกล่าวจาก IDRC และ ดร. ชิงชัย หาญเจนลักษณ์ มีความสนใจอย่างยิ่งในการสนับสนุนการศึกษาเกี่ยวกับประเทศในอินโดจีนอย่างสม่ำเสมอ

เมื่อได้ลงมือทำไประยะหนึ่งก็พบว่า หากจัดทำพจนานุกรมไทย-เวียดนามเสียใหม่จะสะดวกและดีกว่าการแก้ไขและปรับปรุง นายเหงียน จี ธง เองก็พร้อมที่จะรับงานนี้ ในทางวิชาการได้รับคำแนะนำที่เป็นประโยชน์และมีคุณค่าจากรองศาสตราจารย์ ดร. ฮีระพันธ์ เหลืองทองคำ คณะอักษรศาสตร์ และผู้อำนวยการสถาบันไทยศึกษา จุฬาลงกรณ์มหาวิทยาลัย ต่อมา รองศาสตราจารย์ ดร. วิทยา สุจริตธนาภิษฐ์ ผู้อำนวยการสถาบันเอเชียศึกษาเอเชียศึกษา (พ.ศ. 2534-2542) เห็นชอบด้วยที่จะให้ยกร่างพจนานุกรมฉบับนี้ขึ้นใหม่ทั้งฉบับ จึงได้ขอการสนับสนุนในด้านเงินทุนจาก สำนักงานกองทุนสนับสนุนการวิจัย ซึ่งผู้อำนวยการของสำนักงานกองทุนสนับสนุนการวิจัย คือ ศาสตราจารย์ นายแพทย์ วิจารณ์ พานิช ได้ให้ความสนใจและสนับสนุนเป็นอย่างดี แม้ว่าจะงานจะไม่ลุล่วงแล้วเสร็จในกรอบเวลาที่ทาง สกว. กำหนดเอาไว้เดิม นอกเหนือจากปัญหาของผู้ทำเองที่มีภาระกิจอย่างอื่นเข้ามาสอดแทรกด้วยได้รับการขอร้องจากหน่วยงานของรัฐให้ช่วยเหลือในการติดต่อทางวิชาการกับฝ่ายเวียดนาม ซึ่งสถาบันเอเชียศึกษาสนับสนุนให้ทำด้วยเป็นการส่งเสริมความร่วมมือทางวิชาการระหว่างไทยกับเวียดนามให้กว้างขวางออกไป กอปรกับปัญหาส่วนตัวและครอบครัวอีกบ้าง ทำให้พจนานุกรมฉบับนี้ต้องล่าช้าออกไป ปัญหาทางด้านการใช้เครื่องคอมพิวเตอร์ และโปรแกรมคอมพิวเตอร์ก็กลายเป็นปัญหาใหญ่กว่าจะแก้ไขได้ต้องสิ้นเปลืองเวลาไปช้านาน ปัจจุบันนี้ก็ยังทำงานล่าช้าออกไปอีก

จุฬาลงกรณ์มหาวิทยาลัยได้ให้ความช่วยเหลือและอนุเคราะห์ให้ผู้ทำใช้สถานที่พักของทางมหาวิทยาลัย อันเป็นการทุนค่าใช้จ่ายได้อย่างมาก ACT Consultant Co. Ltd. ได้อนุเคราะห์ในเรื่องการจัดพิมพ์ในระดับต้น ซึ่งทำให้ทางบริษัท ต้องสิ้นเปลืองกำลังคนและค่าใช้จ่าย แต่ทางบริษัทกลับไม่ได้คิดค่าใช้จ่ายแต่ประการใด จึงควรแก่การระบุความช่วยเหลือไว้ ณ ที่นี้ บุคลากรของสถาบันเอเชียศึกษา ได้ช่วยเหลืออย่างดีมาตลอดในการจัดทำต้นฉบับ จนในที่สุดสำเร็จเป็นรูปเล่มที่น่าพอใจ

ศาสตราจารย์ ดร. ผ้ม ดีก แก่นห์ (Pham Duc Thanh) ผู้อำนวยการคนปัจจุบันของ Institute for Southeast Asian Studies แห่งฮานอยเองก็เป็นหนึ่งในความก้าวหน้าของผลงานุกรม ได้ถามอยู่เสมอ ทั้งเต็มใจยอมให้ผู้ทำได้พำนักอยู่ในประเทศไทยจนกว่าภาระงานนี้จะแล้วเสร็จ รองศาสตราจารย์ ดร. โสภนา ศรีจำปา แห่งสถาบันภาษาและวัฒนธรรมเพื่อการพัฒนาชนบท แห่งมหาวิทยาลัยมหิดล ได้ช่วยตรวจทานร่างสุดท้ายด้วยความละเอียดลออ รองศาสตราจารย์ ดร. วิทยา สุจริตธนารักษ์ อดีตผู้อำนวยการสถาบันเอเชียศึกษา ได้ติดตามดูแลการจัดทำผลงานุกรมมาโดยตลอดจนเสร็จสิ้นลุล่วงไปได้ในที่สุด

งานทางวิชาการจะราบรื่นสะดวกด้วยนั้นย่อมยาก แต่อุปสรรคข้อขัดข้องต่าง ๆ ย่อมมีคุณูปการแก่ผู้ที่เกี่ยวข้อง ทำให้เกิดการเรียนรู้แก้ปัญหาและได้บทเรียนที่จะทำงานต่อไปข้างหน้า สถาบันเอเชียศึกษาขอขอบพระคุณทุกท่านที่ให้ความช่วยเหลือ งานนี้ย่อมเป็นอนุสรณ์ของความร่วมมือทางวิชาการระหว่างไทยกับเวียดนามได้เป็นอย่างดี

ศาสตราจารย์ ดร. สุภางค์ จันทวานิช
ผู้อำนวยการสถาบันเอเชียศึกษา
กุมภาพันธ์ 2544

Foreword

This volume of Thai-Vietnamese Dictionary is a consequent of the joint effort of the Institute for Southeast Asian Studies, The National Center for Social Science and Humanities of Vietnam under Professor Pham Duc Duong and the Institute of Asian Studies, Chulalongkorn University in Bangkok under Professor Dr. Khien Theeravit to update the former Thai-Vietnamese Dictionary composed by researchers of the Institute for Southeast Asian Studies. However, in the process of compilation, it was found out that it would be better to compose a new one than to revise the former one. With an advice from a linguist expert, Associate Professor Dr. Theraphan Luangthongkum, of the Department of Linguistics, Faculty of Arts, Chulalongkorn University, this new volume took shape. The Institute of Asian Studies secured a financial support from the International Development Research Centre (IDRC) of Canada through kind assistance of Dr. Chingchai Harnjanluk, the then director of the IDRC at Singapore to bring Mr. Nguyen Chi Thong of the Institute for Southeast Asian Studies at Hanoi to Bangkok to work on the new Thai-Vietnamese Dictionary. The Thailand Research Fund provided additional fund to enhance the compilation.

The compilation of this volume takes much longer time than expected to complete due mainly to complex problems in using the computer and computer programs. Mr. Nguyen Chi Thong, with permission from the Institute of Asian Studies, is often requested by educational institutes to render services which deal specifically with the aspect of promoting Thai-Vietnamese academic exchanges. He has been belabouring on the volume since early 1991. No doubt he has devoted all his effort and energy to withstand problems that cropped up and persistently perused the work. With this volume in appearance, it has to be congratulated by all sides.

Dr. Pham Duc Thanh, the present Director of the Institute for Southeast Asian Studies at Hanoi has to be especially mentioned for through his understanding and assistance, Mr. Nguyen Chi Thong can get his job done. The ACT Consultant Co.,Ltd. of Bangkok has done a great deal in the preparation of the early draft and this is executed without charge. Mr. Sanond Homsuwan has been very patient all along to get the manuscript through computer at the Institute of Asian Studies and Associate Professor Dr. Sophana Srichampa of the Institute of Language and Culture for Rural Development, Mahidol University, Thailand kindly revised carefully the final manuscript. Associate Professor Dr. Withaya Sucharitanarugse former Director of the Institute of Asian Studies is the one who is behind all the success of this dictionary.

This volume bears the fruit of good cooperation between the Institute for Southeast Asian Studies of Hanoi and The Institute of Asian Studies, Chulalongkorn University of Bangkok.

Supang Chantavanich
Director
Institute of Asian Studies
February 2001

NỘI DUNG VÀ CẤU TẠO CỦA QUYỂN TỪ ĐIỂN

I TÍNH CHẤT VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA QUYỂN TỪ ĐIỂN

Quyển Từ điển đối chiếu Thái Lan-Việt này được biên soạn nhằm phục vụ cho những người muốn học tập, trau dồi, tìm hiểu tiếng Thái Lan và tiếng Việt. Đối tượng chủ yếu của nó là sinh viên, giáo viên, dịch giả, cán bộ nghiên cứu và những người có nhu cầu sử dụng song ngữ Thái Lan-Việt ở Thái Lan và Việt Nam.

II BẢNG TỪ VÀ CÁC TỪ MỤC

Bảng từ của quyển từ điển dựa trên chính bảng từ của quyển từ điển tường giải tiếng Thái Lan của Viện Hàn lâm Hoàng gia Thái Lan năm 1982, tái bản lần thứ 3 năm 1990. Tuy nhiên, trong quá trình biên soạn chúng tôi có chọn lọc và bổ sung thêm những vốn từ vựng cơ bản, thông dụng và cập nhật lấy từ các quyển từ điển tường giải, từ điển đối chiếu, từ điển chuyên ngành, báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng khác của Thái Lan. Tiếng Thái Lan trong quyển từ điển là thứ tiếng Thái Lan đích thực, cập nhật, bởi vì bảng từ và tất cả các thí dụ, các chú thích về cú pháp, về cách sử dụng từ nêu trong quyển từ điển đều được miêu tả qua cảm thức của người bản ngữ trong các văn bản của Thái Lan hoặc do người Thái Lan cung cấp.

Dựa vào mối quan hệ cội nguồn và loại hình, chúng tôi cố gắng đưa đầy đủ các nghĩa của từ Thái Lan bằng những từ tiếng Việt tương ứng cả về cấu trúc ngữ âm và ngữ nghĩa sao cho thật sát với sắc thái ngữ nghĩa của tiếng Thái Lan, ví dụ:

Từ cùng gốc:

พ่อ d. Bọ; bố; ba; cha.

Từ lặp láy:

โอดอง t. Toòng teng; lũng lảng.

Từ tượng thanh:

ปัง t. (thanh.) Păng; đoàng.

Từ tượng hình:

จะลูด t. Lêu nghêu. สูงจะลูด - Cao lêu nghêu.

Từ ghép:

สนามบิน d. Sân bay.

Từ vay mượn:

สตรี d. (Sans.) Phụ nữ; nữ. สมาพันธ์สตรี - Hội Liên hiệp Phụ nữ. วีรสตรี - Nữ anh hùng.

Từ thuần Thái:

ผู้หญิง d. Đàn bà; gái. ผู้หญิงปากจืด - Người đàn bà chua ngoa. ผู้หญิงหากิน - Gái làm tiền.

Thành ngữ; tục ngữ:

กินขาด đg. Ăn đứt.

กินมีย đg. Sát vợ.

กินปูนร้อนท้อง đg. Có tật giắt mình.

ไถ่งามเพราะขน คนงามเพราะแต่ง (thngữ.) Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân.

Trong trường hợp không tìm được những từ, ngữ tiếng Việt tương ứng với tiếng Thái Lan thì giải thích vắn tắt đủ hiểu (bằng chữ in nghiêng) và nếu là thành ngữ thì có cả lời dịch nguyên văn (chữ in đứng, có dấu ‘ - ’, đặt trong ngoặc đơn), ví dụ:

กฐิน d. (Pal.tôn.) *Vải cà sa được Phật Tổ cho phép sử dụng sau khi mãn hạ.*

กะโด้งโห่ง t. (thanh.) *Từ mô phỏng tiếng công tổ họ.*

ลิงตกต้นไม้ đg. (thngữ.) *Kẻ thiên nghệ cũng có thể nhờ tay.*
(nv. ‘khỉ ngã cây’)

Để bảo đảm tính chính xác, hầu hết các từ chỉ thực vật và động vật đều có chưa thêm tên khoa học trong ngoặc đơn, ví dụ:

กระเจด d. (thực.) Rau dút. (*Neptunia olercealour* họ Leguminosae)

กระจอกเทศ d. (động.) Đà điều. (*Struthiocamelus* họ Struthionidae)

Các từ phái sinh và thành ngữ, tục ngữ được coi như từ hoặc cụm từ độc lập xếp ngang với từ gốc và theo thứ tự của từ gốc. Ví dụ:

ดี t. Tốt.

ดีใจ t. Mừng; phấn khởi.

ใจ d. 1.Tim. 2.Tấm lòng. 3.Bụng.

ใจดี t. Tốt bụng; hiền từ.

ใจไม่ไ้ระกำ t. Nhẫn tâm.

Các nghĩa tương ứng của từ được sắp xếp theo thứ tự 1. 2. 3. v. v. Các từ, ngữ tương ứng trong cùng nét nghĩa được ngăn cách bởi dấu chấm phẩy(;), ví dụ:

ดิบ t. 1.Sống; sượng. ข้าวดิบ - Cơm sống; cơm sượng.

2.Xanh. มะม่วงดิบ - Xoài xanh. 3.Thô. น้ำมันดิบ - Dầu thô. 4. ... 5. ... 6. ...v.v.

III CÁCH SẮP XẾP THỨ TỰ CÁC TỪ

- Mục từ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ phụ âm đầu vần của tiếng Thái Lan theo cách viết chính tả chứ không theo cách đọc như sau:

ก ข ฃ ค ฅ ฆ ง

จ ฉ ช ซ ฌ ญ

ฎ ฏ ฐ ฑ ฒ ณ

ด ต ถ ท ธ น

บ ป ผ ฝ พ ฟ ภ

ม ย ร ฤ ฦ ฦ ฤ ฤ ว ศ ษ ส ห พ อ ฮ

- Phần vần của từng từ được sắp xếp như sau:

เ	เ	เ (เสื่อ)
เ (ก้น)	เ	เ ะ (เกือะ)
เ ะ (ผัวะ)	เ-	เ-
-า	เ-ะ (กะ)	เ-ะ (แพะ)
-า	เ-า (เขา)	เ-
-า	เ-าะ (เจาะ)	เ-ะ (โปะ)
-า	เ-ิ (เกิน)	เ-
-า	เ-ี (เสียว)	เ-
-า	เ-ี ะ (เดี๋ยะ)	

Các từ có dấu ๑ (ไม้ไต่คู้) được xếp trước các dấu thanh, ví dụ:
 เก่ง เก่ง เก่ง เก่ง

IV CÁC CHÚ THÍCH.

1. Từ loại của từ hoặc ngữ được chú thích theo nguyên tắc của quyền từ điển tường giải tiếng Thái Lan của Viện Hàn lâm Hoàng gia Thái Lan bằng các ký hiệu như sau:

d. danh từ	l. liên từ
đ. đại từ	lt. loại từ
đg. động từ	t. tính từ, trạng từ
g. giới từ	th. thán từ

2. Nguồn gốc của từ được chú thích bằng chữ viết tắt bắt đầu bằng chữ in hoa, đặt trong ngoặc đơn, tiếp sau ký hiệu từ loại:

(Ả rập.) tiếng Ả rập	(Lự.) tiếng Lự
(Anh.) tiếng Anh	(Mal.) tiếng Mã Lai
(Ấn.) tiếng Ấn Độ	(Môn.) tiếng Môn
(Ba tư.) tiếng Ba Tư	(Nhật.) tiếng Nhật
(Bồ.) tiếng Bồ Đào Nha	(Pal.) tiếng Pali
(Chăm.) tiếng Chăm	(Sans.) tiếng Sanscrit
(Hoa.) tiếng Hoa	(Tamin.) tiếng Tamin
(Iran.) tiếng Iran	(Thđen.) tiếng Thái đen
(Khme.) tiếng Khmer	(Thtrắng.) tiếng Thái trắng
(Latin.) tiếng Latinh	(Việt.) tiếng Việt

3. Từ, ngữ chuyên ngành được chú thích bằng chữ viết tắt không bắt đầu bằng chữ in hoa, đặt trong ngoặc đơn tiếp sau chú thích về ngôn ngữ gốc:

(cơ.) cơ khí	(ktrúc.) kiến trúc
(cờ.) cờ bạc	(lý.) vật lý học
(chiêm.) chiêm tinh học	(luật.) luật học
(chính.) chính trị	(ngôn.) ngôn ngữ học
(dệt.) dệt.	(nhạc.) âm nhạc
(duyệt.) duyệt	(quân.) quân sự

(địa.) địa lý
 (động.) động vật học.
 (giải.) giải phẫu học.
 (hoá.) hoá học
 (hgia.) thuật ngữ hoàng gia
 (in.) in ấn.
 (kỹ.) kỹ thuật
 (ktoán.) kế toán

(sinh.) sinh vật học
 (tâm.) tâm lý.
 (thiên.) thiên văn học
 (thơ.) thơ ca
 (thực.) thực vật học
 (toán.) toán học
 (tôn.) tôn giáo
 (y.) y học

4. Các chữ viết tắt :

- Đặt trong ngoặc đơn sau mục từ để chú thích cách sử dụng từ, ngữ:

(cg.) cũng gọi
 (cn.) cũng nói
 (cv.) cũng viết
 (nt.) nói tắt
 (nv.) nguyên văn
 (thng) thường

(thg.) thường gọi
 (thn.) thường nói
 (thv.) thường viết
 (vt.) viết tắt
 (vd.) ví dụ

- Đặt sau từ loại để chú thích về nghĩa của từ, ngữ :

(bóng.) nghĩa bóng
 (cổ.) từ cổ, ít dùng
 (khẩu.) khẩu ngữ
 (lóng.) tiếng lóng
 (phương.) tiếng địa phương

(sách.) sách vở; văn chương
 (thanh.) từ tượng thanh
 (thngữ.) thành ngữ
 (trtr.) trân trọng

- Đặt sau mục từ, không có ngoặc đơn để chỉ dẫn từ gần nghĩa hoặc tương đương:

nh. như

x. xem